TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phương

Bà Phan Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 6, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Th với anh T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc, bình thường thì rất hòa thuận nhưng cứ mỗi lần anh T nhậu say thì anh T ghen tuông, nghi ngờ chị Th ngoại tình, nghi ngờ con không phải con của anh T. Thời gian đầu mới lấy nhau thì chị Th bỏ qua cho gia đình êm ấm, đầy đủ nhưng sau này thì ngay cả khi anh T không say xỉn cũng như vậy. Ngoài ra anh T không chăm lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, say xỉn, đuổi khách khiến cho việc buôn bán của gia đình không ổn định. Thậm chí

có khi anh T còn hăm dọa đe chém mẹ con chị Th. Chị Th thấy anh không thay đổi khiến việc làm ăn ngày một thua lỗ, một mình chị Th phải gồng gánh gia đình nuôi các con mà còn nuôi cả chồng. Quá đáng hơn nữa là nhiều khi anh T đưa cả bạn bè về nhà nhậu, rồi đi chơi thâu đêm. Hiện nay chị Th thấy không thể gồng gánh cả con lẫn chồng nên muốn chấm rứt hôn nhân này để chú tâm lo cho con cái. Từ tháng 02/2023, chị Th đã không còn chung sống với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th với anh T có 03 con chung tên là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/4/2013; Nguyễn Huy H, sinh ngày 04/01/2020 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 20/9/2022. Tại đơn khởi kiện, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000đ, cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000đ và cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.000.000đ. Tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2023, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi cháu P và cháu H, chị Th yêu cầu được nuôi cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh T thống nhất với chị Th về thời gian quen biết, chung sống với nhau. Cả hai tự nguyện về chung sống với nhau năm 2012, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết tại UBND xã T, huyện H, tỉnh B. Thời gian đầu thì do là chị Th xinh đẹp nên khi đi nhậu thì có người nói ra nói vào khiến anh T suy nghĩ lung tung. Từ khi chị Th có thai cháu M thì không còn ra phụ quán, luôn xem điện thoại, gọi điện cho người này người kia rồi cười khúc khích, có hôm dùng điện thoại đến 2, 3 giờ sáng rồi có rất nhiều biểu hiện khiến cho anh T nghi ngờ chị Th có tình cảm với người khác. Nay chị Th yêu cầu ly hôn nhưng anh T cho rằng vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/4/2013; Nguyễn Huy H, sinh ngày 04/01/2020 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 20/9/2022. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu P và cháu H, còn để chị Th được trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ anh Nguyễn Minh T số tiền 16.000.000đ tiền mua đồ dùng gia đình vào năm 2015, nợ anh H 39.600.000đ. Anh T yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, công nhận sự thỏa thuận của đương sự về con chung, không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thoa thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên, biên bản xác minh và giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Đây là hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Theo chị Th thì do anh T không chí thú làm ăn, hay ghen tuông vô cớ, một mình chị Th phải chịu gánh nặng kinh tế để lo cho gia đình khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận chị Th có nhiều biểu hiện khác thường khiến anh T ghen tuông, nghi ngờ dẫn đến cãi vã. Anh T cũng thừa nhận hiện nay 02 vợ chồng đã không còn chung sống và không có sự quan tâm đến nhau. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng trong một thời gian dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Th và anh T có 03 con chung tên là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/4/2013; Nguyễn Huy H, sinh ngày 04/01/2020 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 20/9/2022. Khi ly hôn, chị Th đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi cháu H và cháu P theo yêu cầu của anh T, chị T yêu cầu được nuôi cháu M. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần công nhận sự thỏa thuận đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải ngày 08/5/2023 và tại phiên tòa, chị Th rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Th là tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên cần đình chỉ yêu cầu này, không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Th trình bày không có nợ chung, anh T cho rằng có nợ của anh T và anh H nhưng không cung cấp thông tin cá nhân cũng như tài liệu liên quan về khoản nợ nên không có căn cứ để xem xét. Cần tách ra thành một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2012 ngày 14/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên, giao 02 con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/4/2013 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 04/01/2020 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 20/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự không cung cấp nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014535 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi cấp GCNKH
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải